



rǔ lào

乳酪

noun · cheese

Example Sentences

Wǒ xǐ huān zài miàn bāo shàng tú yī céng rǔ lào
我 喜 欢 在 面 包 上 涂 一 层 乳 酪。

I like to spread a layer of cheese on bread.

Zhè zhǒng rǔ lào de wèi dào hěn nóng shì hé zuò pī sà
这 种 乳 酪 的 味 道 很 浓 ， 适 合 做 披 萨。

This kind of cheese has a strong flavor and is suitable for making pizza.

Trace each character, then write the word on your own.

乳	乳	乳	乳	乳	乳	乳	乳	乳	乳	乳
酪	酪	酪	酪	酪	酪	酪	酪	酪	酪	酪
酪	酪	酪	酪	酪						